TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024.
Về việc *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Phong

Ông Trần Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST - HN ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà L, sinh ngày 09/9/1981 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

ĐKTT: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Ph, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

ĐKTT: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày:*

Bà và ông Ph chung sống với vào năm 2015 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/11/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vả và đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, bà và ông Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhận không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do ông Ph không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về Hôn nhân: Bà L và ông Ph chung sống với nhau vào năm 2015, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/11/2015 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vả không thể hàn gắn được nên đã ly thân cho đến nay. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành mời ông Ph để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Ph không đến dự. Điều đó cho thấy ông Ph không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với Bà L, chứng tỏ hôn nhân giữa Bà L và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà L yêu cầu ly hôn với ông Ph là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Ph. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 06/11/2015 của UBND xã L, huyện B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, buộc bà L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000435 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng